

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-PT
Ngày: 20-03-2018

**NHÂN DA1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Bùi Văn Bình

- T2 ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – T2 ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/3/2018 đến ngày 20/3/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 126/2017/HSPT ngày 15/12/2017 đối với bị cáo Trần Thị A.

Do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị A đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị A**; sinh năm 1972, Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở khi bị bắt: Phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm: 1952; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn K, sinh năm 1970 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1992 nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị A:**

1/ Luật sư Trịnh Bá T, sinh năm 1968 - Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2/ Luật sư Đỗ Hải B, sinh năm 1974 - Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3/ Luật sư Nguyễn Lan O, sinh năm 1978 - Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

4/ Luật sư Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 - Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị A và Trần Văn H là chị em ruột và cùng ngụ tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Từ khoảng tháng 11/2007 đến nửa đầu tháng 01/2008, A và H đã nhiều lần bán ma túy cho những người nghiện ma túy tại xã B, người nghiện gọi điện thoại cho A hỏi mua ma túy. Sau khi thỏa thuận giá cả, A hẹn gặp tại một địa điểm rồi mang ma túy ra giao cho người nghiện và lấy tiền nếu A không giao ma túy thì H sẽ mang ma túy đến giao cho người nghiện và nhận tiền. A thường giao ma túy cho người nghiện tại chòi bảo vệ ở lô cao su thuộc Nông trường 9 – Công ty cao su Phú Riềng thuộc Thôn T, xã B, huyện P. A gói ma túy ở trong giấy bạc (loại giấy bạc trong bao thuốc lá) hoặc gói bằng bịch nylon, A bán với giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Ngoài ra, nhiều lần A bán ma túy với giá 500.000 đồng bằng hình thức tương tự như trên nhưng A không mang ma túy đến địa điểm giao trực tiếp cho người mua mà A đến địa điểm đã hẹn gặp người mua và lấy tiền trước rồi A mang ma túy đến giấu ở một địa điểm nào đó và chỉ cho người mua đến lấy ma túy. Với hình thức trên, A đã nhiều lần bán ma túy cho những người nghiện, cụ thể như sau: A đã trực tiếp bán ma túy trái phép cho Đỗ Thanh T, sinh năm 1986; HKTT: KP 3, Phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước khoảng 20 (hai mươi) lần; bán cho Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1982 (HKTT: thôn Tân Lục, xã B, huyện P khoảng 18 (mười tám) lần; bán cho Nguyễn Hoàng V A1 ruột của Q khoảng 20 (hai mươi) lần; bán cho Phạm Văn A1, sinh năm: 1973; HKTT: thôn 2, xã B, huyện P khoảng 10 (mười) lần (bút lục 178, 182, 192, 212, 217); bán cho Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm: 1985; HKTT: thôn P, xã P, huyện P khoảng 4 (bốn) lần A giao trực tiếp ma túy cho Trang trên đường ĐT741 ở gần khu vực trạm thu phí thuộc xã B (BL 200).

Khoảng 17 giờ ngày 09/01/2008, T gọi điện thoại cho A hỏi mua ma túy với giá 500.000 đồng, A đồng ý và hẹn T đến nhà chòi bảo vệ của Nông trường 9, Công ty cao su Phú Riềng để nhận ma túy. T đến chòi đợi A, A điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 93F7 – 6928 đến giao cho T gói ma túy và lấy tiền về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến khu vực chòi bảo vệ và gọi cho A hỏi mua thêm 500.000 đồng ma túy A đồng ý. A điều khiển xe mô tô hiệu Future (không rõ biển số) đến bán ma túy cho T. Khi A đưa ma túy cho T và nhận tiền thì bị Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Bình Phước bắt quả tang, A đã trốn thoát còn T bị bắt giữ cùng với một gói giấy bạc bên trong có chất bột màu trắng.

Quá trình khám xét tại khu vực nhà ở của Trần Thị A Cơ quan điều tra đã phát hiện và thu giữ:

Tại phòng khách phát hiện 01 chứng minh nhân dân số 172059314 mang tên Lê Thị T; Sinh năm 1983; HKTT: Hoàng Trung, Hoàng Hóa, Thanh Hóa; 01 chứng minh nhân dân số 172893719 mang tên Trịnh Thị T; Sinh năm 1987; HKTT: P, T X, Thanh Hóa; 01 đăng ký xe mô tô số 0016957 mang tên Dương Thị Y; HKTT: tổ 14, KP P, A, B, Bình Phước biển số 93F2 – 6630; 01 đăng ký xe mô tô số 0119059 mang tên Lê Thị T biển số 36M6 – 6855; 01 đồng hồ đeo

tay màu trắng hiệu Starhao; số tiền 7.450.000đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn).

Thu giữ bên hông phải nhà phía dưới gốc cây mít (cách hông nhà 1,25 mét) 01 (một) bịch nylon màu hồng, bên trong bịch có 04 (bốn) cục chất bột màu trắng, cục to nhất có kích thước khoảng: (03 x 04 x 01)cm, cục nhỏ nhất có kích thước khoảng (03 x 1,8 x 01)cm; 01 (một) gói giấy bạc thuốc lá bên trong có chứa nhiều cục chất bột màu trắng nhỏ vụn và 01 (một) gói giấy (loại giấy vé số) bên trong có chứa nhiều cục chất bột màu trắng nhỏ vụn (bút lục: 43 - 44).

Theo kết luận giám định số 06/KLGD-2008 ngày 18/01/2008 của phòng kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Bình Phước xác định:

Vật chứng bắt quả tang Đỗ Thanh T: chất rắn màu trắng đựng trong gói giấy bạc có thành phần Heroin, trọng lượng: 0,0498 gam.

Vật chứng thu giữ khi khám xét nhà Trần Thị A: 01 (một) bịch ni lông màu trắng, bên trong bịch có 04 cục chất bột màu trắng; 01 (một) gói giấy bạc thuốc lá bên trong có chứa nhiều cục chất bột màu trắng nhỏ vụn và 01 (một) gói giấy (loại giấy vé số) bên trong có chứa nhiều cục chất bột màu trắng có chứa thành phần heroin, tổng trọng lượng: 21,1249 gam (bút lục: 92, 93)

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử bị cáo Trần Thị A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thị A 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2016.

Ngày 08/11/2017 bị cáo Trần Thị A có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị A thừa nhận chỉ một lần, vào ngày 09/01/2008 bị cáo có bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Thanh T, ngoài ra bị cáo không thực hiện hành vi mua bán chất ma túy nào khác.

Bị cáo xin thay đổi từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm 02/2017/HSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị A phát biểu: Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào lời khai của các con nghiện cho rằng bị cáo đã mua bán ma túy 64 lần, phạm tội nhiều lần. Trong khi đó bị cáo không quen biết với những người làm chứng trên nên lời khai của người làm chứng không có giá trị, bị cáo không bị bắt quả tang mà bị bắt truy xét. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận có bán ma túy một lần, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA1 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như Bản án sơ thẩm nhận định mà cho rằng: Vào ngày 09/01/2008 Phạm Văn T2 là em rể bị cáo có 02 lần nhờ bị cáo A giao 02 gói nylon nhỏ cho Đỗ Thanh T, khi giao lần hai tại khu vực chòi mủ thuộc NT9, Công ty cao su Phú Riềng thì bị công an bắt giữ, bị cáo A chạy thoát. Trước đó T2 có nhờ bị cáo giao 1 gói nylon nhỏ cho 1 người phụ nữ đi chung với một nam thanh niên. Bị cáo cho rằng không biết các gói nylon T2 nhờ bị cáo giao cho các đối tượng trên là chất ma túy. Những lời khai trước đây của bị cáo thể hiện bị cáo biết T2 bán ma túy và bị cáo giao giúp chất ma túy cho T và người phụ nữ là không đúng do bị cáo không đọc được, cán bộ điều tra lấy lời khai có đọc lại cho bị cáo nghe nhưng do đọc nhanh, bị cáo không hiểu nên ký xác nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận: ngày 09/01/2008 bị cáo có bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Thanh T, khi T bị bắt quả tang thì bị cáo bỏ chạy trốn được, ngoài ra bị cáo không thực hiện hành vi mua bán chất ma túy nào khác.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo nêu trên là phù hợp với lời khai của Đỗ Thanh T, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang Đỗ Thanh T ngày 09/01/2008 và lời khai của bị cáo A tại bút lục 155 ngày 30/11/2016 “*khoảng năm 2007 tôi có tham gia mua bán ma túy khu vực xã B, huyện PL(nay thuộc huyện P), tỉnh Bình Phước*”, bút lục 157 A khai: “*vào cuối năm 2007 T2 em rể tôi có nhờ tôi đưa ma túy cho các đối tượng và đưa tiền về*”; bút lục 159-160 ngày 02/12/2016 nguồn gốc heroin do “*tôi (A) đưa tiền cho T2 đi mua heroin về bán lại cho các đối tượng nghiện kiếm lời, sau khi mua về T2 là người cất giữ, lúc nào có người hỏi mua ma túy thì T2 đưa cho tôi đi giao ma túy và lấy tiền. Tiền lời T2 đưa cho tôi như sau: Tôi đưa cho T2 8.000.000 đồng để mua ma túy, sau khi bán xong T2 đưa cho tôi 12.000.000 đồng (trong đó 8.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi), tôi giao ma túy được khoảng hai hay ba người, còn lại là T2 đi giao*”. Cụ thể bút lục 162 ngày 05/12/2016 “*vào khoảng cuối năm 2007 có người gọi điện cho T2 thì T2 đưa cho tôi một bọc ny lông màu trắng kích T2ớc khoảng 01cm x 01cm bên trong có giấy bạc màu trắng (sau đó tôi biết được heroin) T2 nói tôi đưa cho T. Đến 20 giờ cùng ngày T2 cũng đưa cho tôi 01 gói heroin nói tôi đem ra chòi bảo vệ nông trường 9 đưa cho T... Ngoài bán ma túy cho T thì trước đó một, hai ngày T2 có đưa cho tôi một gói ma túy để trên bàn, khoảng 10 giờ có một người thanh niên chở một người phụ nữ đeo khẩu trang tới, tôi vào bàn lấy gói ny lông đựng ma túy đưa cho người phụ nữ*”. Bút lục 163 tại biên bản hỏi cung A khai: “*khi bán ma túy cho T tại NT9 T bị bắt còn bị cáo trốn thoát*” (có luật sư Hồ Phương B ký vào biên bản hỏi cung). Bút lục 165 “*tôi biết ma túy nhưng vẫn giao giùm cho T2*”

Đồng thời phù hợp với lời khai của người làm chứng Đỗ Thanh T bút lục 177 ngày 29/01/2008 “*Khoảng 17 giờ ngày hôm nay ...tôi điện thoại cho chị A để mua heroin chị A hỏi mua bao nhiêu tôi nói mua 500.000 đồng chị A đồng ý bán và kêu tôi đến khu vực sau chòi bảo vệ cao su nông trường 9 đứng đợi rồi*

chị A đưa heroin cho tôi.... Đến khoảng 19 giờ tôi điện thoại cho chị A tiếp tục hỏi mua 500.000 đồng heroin chị A kêu tôi đến chòi bảo vệ cao su Hchiều chị sẽ ra bán cho tôi ...chị A dừng xe và vắn nổ máy kêu tôi đưa tiền, bật lửa quẹt ga lên cho chị A đếm tiền xong, chị A đưa gói heroin cho tôi. Vừa lúc đó công an ập đến bắt giữ tôi còn chị A vào số xe chạy. ...tôi mua heroin của chị A từ khoảng giữa tháng 11/2007 cho đến nay khoảng hơn 20 lần”. A bán cho Nguyễn Hoàng Q khoảng 18 (mười tám) lần (bút lục 182); bán cho Nguyễn Hoàng V là A1 ruột của Q khoảng 20 (hai mươi) lần (bút lục 192); bán cho Phạm Văn A1 “khoảng 10 (mười) lần mỗi lần từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, mỗi lần mua ma túy tôi điện thoại cho bà A, bà A hẹn tôi ra nhà hoang ở lô cao su nông trường 9, xã Long Tân, Phước Long giao ma túy” (bút lục 212, 217); bán cho Huỳnh Thị Ngọc T, khoảng 4 (bốn) lần A giao trực tiếp ma túy cho Trang trên đường ĐT741 ở gần khu vực trạm thu phí thuộc xã B (bút lục 200); Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T ngày 09/01/2008 (bút lục 41), kết quả khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ vật chứng, kết luận giám định chất ma túy ngày 18/01/2008, kết luận các mẫu vật thu giữ khi bắt T và tại nhà bị cáo đều có chứa thành phần heroin và lời khai của những người làm chứng nêu trên phù hợp về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, mặc dù bị cáo chỉ thừa nhận thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy một lần cho Đỗ Thanh T vào ngày 09/01/2008 bị bắt quả tang nhưng căn cứ vào các chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã thực hiện nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ và làm chủ hành vi, vì vậy cần phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 10 (mười) năm tù là có phần nghiêm khắc, hơn nữa tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo thừa nhận một lần thực hiện hành vi phạm tội của mình, thể hiện bị cáo đã có phần thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đây cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị A;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2017/HSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Thị A 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2016.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Thị A không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an huyện P;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương